

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-PT**
Ngày: 14/5/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn, chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán: Ông Khuru Đẻ Dành

Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 18/3/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lương Thị V , sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Minh L , là Luật sư của Văn phòng Luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lương Thanh B , sinh năm 1953 (vắng mặt)

Bà Phạm Thị M , sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: xã B , huyện C , tỉnh An Giang (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Lương Thị V – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà V kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà V có quan hệ tình cảm với người khác và sinh 01 con riêng nên ông không còn tình cảm với bà V, hai người không thể tiếp tục chung sống, ông xin được ly hôn.

Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung gồm: 40 chỉ vàng 24K được cha mẹ cho khi cưới có cho cha mẹ mượn. Ông yêu cầu chia 40 chỉ vàng theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Lương Thị V trình bày: Thống nhất thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn như ông T trình bày. Về mâu thuẫn do ông T không có khả năng có con, vợ chồng bàn bạc đi thụ tinh nhân tạo và sinh 01 đứa con nhưng ông T giữ giấy tờ không thừa nhận việc thụ tinh nhân tạo từ đó xảy ra mâu thuẫn. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T, con bà sinh ra bà đồng ý là con riêng. Về tài sản chung, khi cưới cha mẹ chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K và cặp nhẫn vàng trắng mỗi người đeo một chiếc. Đôi bông tai bà xin làm kỷ niệm, không chia.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Thanh B và bà Phạm Thị M trình bày: Không thừa nhận có mượn 40 chỉ vàng 24K như ông T trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà V thống nhất tài sản chung có tủ quần áo bằng gỗ trị giá 11.000.000 đồng, đồng ý chia đôi. Bà V được nhận tủ áo và có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T 5.500.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số: 68/2015/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T ly hôn với chị Lương Thị V.

- Về quan hệ con chung: Chị V có sinh 01 người con tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/9/2013, đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị V thống nhất là con riêng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh T, chị V có tài sản chung là 40 chỉ vàng 24kara loại 96% (chị V đang quản lý) và 01 tủ áo bằng gỗ trị giá 11.000.000 đồng (anh T đang quản lý). Anh T được chia 20 chỉ vàng 24kara loại 96% và 5.500.000 đồng; chị V được chia 20 chỉ vàng 24kara loại 96% và tủ áo. Chị V có nghĩa vụ hoàn lại cho anh T 20 chỉ vàng 24kara loại 96% và 5.500.000 đồng; anh T có nghĩa vụ giao cho chị V 01 tủ áo bằng gỗ.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 07/4/2015, bà V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu chia tài sản chung của ông T là 40 chỉ vàng 24kara loại 96%. Các vấn đề còn lại của vụ án bà V, ông T không kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số: 28/2015/HNGĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của bà V. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số: 68/2015/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C về tài sản chung. Giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại phần tài sản chung cho đúng pháp luật.

- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 68/2015/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C không bị hủy, sửa được giữ y và có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số: 20/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C tuyên xử:

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc chia tài sản chung của vợ chồng đối với 40 chỉ vàng 24kara.

Buộc bà Lương Thị V có trách nhiệm giao trả lại cho ông Nguyễn Văn T 20 chỉ vàng 24 kara mà ông T được chia.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/01/2019 bà Lương Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp có kháng cáo. Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V trình bày: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Không có tài sản 40 chỉ vàng theo yêu cầu chia tài sản của ông T, chỉ có 02 chiếc nhẫn cưới và bên chồng chỉ cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Ông T không chứng minh được số vàng này, ai quản lý số vàng này, trọng lượng như thế nào. Ông T khai mâu thuẫn về số vàng cưới, khi thì nói cho cha mẹ mượn, khi thì nói bà V đang quản lý, khi thì gửi bên vợ. Ảnh cưới ông T cung cấp cho Tòa án không có ảnh gốc đối chiếu. Cấp sơ thẩm không chia tài sản đối với cặp nhẫn và đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Đề nghị bác yêu cầu của ông T.

Ông T trình bày: Số vàng do bà V quản lý chứ không phải cha mẹ bà V quản lý. Sở dĩ trước đây khai cha mẹ quản lý là do nghe V nói. Ảnh cưới đã được giám định, chứng tỏ đây là ảnh thật, chứng tỏ có số vàng. Truyền thống

dân tộc, không thể có việc gia đình tôi đi tiền đồng 20.000.000 đồng mà lại không cho tài sản mà chỉ cho đôi bông tai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Tập quán người Việt phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Ông T xác định có 05 chỉ vàng anh đeo trong ngày cưới, ông T không chứng minh được đã giao chiếc nhẫn này cho bà Vân nên phải chịu trách nhiệm này. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm buộc bà V trả cho ông T 15 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lương Thị V kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà V thấy: Căn cứ vào phong tục cưới hỏi của người Việt Nam về việc cha mẹ hai bên gia đình cho cô dâu, chú rể tài sản trong ngày cưới, cùng với hình ảnh đã được Viện Khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an giám định hình ảnh không bị chỉnh sửa, cắt ghép có thể hiện cha mẹ hai bên của ông T và bà V cho vàng cho ông bà, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, chứng tỏ trình bày của ông T là cha mẹ ông cho 20 chỉ vàng 24K, cha mẹ bà V cho 20 chỉ vàng 24K là có thật. Do không có cơ sở xác định tuổi vàng nên xác định đây là vàng 24K 96% là phù hợp.

[3] Mặc dù theo lời khai của người làm chứng cho rằng 20 chỉ vàng cha mẹ bà V tuyên bố là của hồi môn. Tuy nhiên, theo hình ảnh thì cha mẹ bà V làm nhẫn kiểu nam đeo và có đeo nhẫn cho ông T nên có cơ sở xác định cha mẹ bà V cho 20 chỉ vàng là cho chung chứ không phải là cho riêng bà V. Do đó, cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của ông bà là 40 chỉ vàng 24K 96% (thị trường) là có cơ sở.

[4] Tuy nhiên, cả ông T và bà V đều không thừa nhận đang quản lý số tài sản này, ông T không chứng minh được bà V đang quản lý toàn bộ tài sản, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông T để cho rằng bà Vân đang quản lý toàn bộ 40 chỉ vàng này là không đủ căn cứ. Do đó, HĐXX căn cứ vào hình ảnh để xác định người quản lý tài sản cuối cùng để xác định ai là người đang quản lý tài sản. Theo đó, ông T được đeo nhẫn 05 chỉ vàng thì ông T đang quản lý 05 chỉ vàng. Bà V đang quản lý 35 chỉ vàng.

[5] Về phân chia: HĐXX xét thấy, tại phiên tòa ông T thừa nhận bà V mang thai, sinh con tại bệnh viện ông không có quan tâm, không nuôi bà V sinh con. Thu nhập vợ chồng làm ra không có tiết kiệm được và của ai người đó tiêu

xài. Việc bà V mang thai, sinh con cũng cần chi phí hợp lý, bà V hiện đang nuôi con nhỏ. Do đó, cần tính công sức đóng góp của bà V nhiều hơn trong việc giữ gìn tài sản này, cần chia tài sản chung này cho bà V phần nhiều hơn so với ông T để đảm bảo quyền lợi cho bà V. Cấp sơ thẩm chia đều là chưa đảm bảo quyền lợi của bà V. HĐXX cấp phúc thẩm sửa lại việc phân chia tài sản chung, cụ thể bà V được chia 25 chỉ vàng, ông T được chia 15 chỉ vàng. Ông T đang quản lý 05 chỉ nên bà V phải có trách nhiệm giao cho ông T 10 chỉ vàng. Do điều chỉnh phần được chia của các bên nên điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[6] Ngoài ra, bản án phúc thẩm lần 1 số 28/2015/HNGĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang tuyên hủy một phần Bản án sơ thẩm số: 68/2015/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện C về tài sản chung. Trong khi đó trong vụ án này phần tài sản chung các đương sự tranh chấp ngoài số vàng thì còn có 01 tủ áo trị giá 11 triệu đồng đã được bản án sơ thẩm phân chia không có kháng cáo. Do đó, các đương sự trong vụ án không hiểu rõ phần tài sản chung là tủ áo này đã được phân chia. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm ghi nhận lại phần phân chia tài sản chung là cái tủ như án sơ thẩm lần 1 xử để rõ ràng và thuận tiện cho việc thi hành án. Nên HĐXX phúc thẩm ghi nhận lại cho rõ ràng đối với tài sản chung này mà các đương sự đã thống nhất yêu cầu phân chia như bản án sơ thẩm lần 1 cùng với án phí sơ thẩm phân chia tài sản này.

[7] Việc giám định có ý nghĩa cho việc xác định người quản lý vàng nên cấp sơ thẩm buộc bà V phải chịu chi phí này là đúng.

[8] Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm ông T phải chịu là 200.000 đồng. Ông T phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia (giá trị 15 chỉ vàng và 5.500.000 đồng giá trị $\frac{1}{2}$ tủ áo) và bà V phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia (giá trị 25 chỉ vàng và 5.500.000 đồng giá trị $\frac{1}{2}$ tủ áo). Vàng được tính với giá 3.600.000 đồng/chỉ 24K 96% (thị trường).

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên bà V không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Sửa bản án sơ thẩm số 20/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang:

- Xác định tài sản chung là 40 chỉ vàng 24K 96% (thị trường). Phân chia cho ông T 15 chỉ, bà V 25 chỉ. Xác định ông T đang quản lý 05 chỉ, bà V đang quản lý 35 chỉ.

- Buộc bà V giao trả cho ông T 10 chỉ vàng 24K 96% (thị trường).

- Bà V được sở hữu tủ áo trị giá 11 triệu đồng (tủ áo ông T đang quản lý). Ông T phải giao trả tủ áo lại cho bà V. Bà V phải giao trả cho ông T 5.500.000 đồng giá trị chênh lệch của tủ áo mà ông T được chia.

- Về chi phí tố tụng: Bà Lương Thị V phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T tiền chi phí giám định là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Bà V phải chịu 4.775.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Ông T phải chịu 3.175.000 đồng (ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó án phí sơ thẩm trên tài sản được chia là 2.975.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 3.200.000đ và 200.000đ theo biên lai thu số: 0001232 và 0001231 ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông T còn được nhận lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Bà Lương Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007601 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND huyện C (1)
- THA huyện C (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

Trần Hoàng Vũ

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Hải - Ngô Ngọc Phỉ

